TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Ni trưởng Huỳnh Liên cuộc đời và đạo nghiệp

ISSN: 2734-9195 08:46 08/03/2025

Ni Trưởng đã chọn cho mình một thái độ dấn thân tích cực. Như trong lời thơ Ni Trưởng đã viết: “Nguyện xin hiến trọn đời mình / Cho nguồn đạo pháp, cho tình quê hương”.

Lịch sử Phật giáo Việt Nam trải qua hàng ngàn năm vốn có một truyền thống vô cùng quý báu, đó là tinh thần yêu nước và phụng sự dân tộc.

Sử sách cũng như những truyền thuyết lưu truyền trong dân gian còn ghi lại những công huân và sự tích lung linh vẻ đẹp huyền thoại của các vị Thiền sư thời kỳ đầu của kỷ nguyên độc lập tự chủ ở các vương triều Ngô, Đinh, Tiền Lê như Đỗ Pháp Thuận, Không Lộ, Khuông Việt, Vạn Hạnh... Triều đại Lý, Trần được nhìn nhận là thời kỳ đỉnh cao của nền văn minh Đại Việt với võ công, chính trị, văn hóa... mang đậm chủ nghĩa nhân đạo Phật giáo; tư tưởng và triết lý đạo Phật đã trở thành kim chỉ nam để trị nước, an dân.

Bản thân các vị quân vương cũng là những phật tử hay những bậc chân tu như Lý Thánh Tông, Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ... Sau thời kỳ Lý, Trần, ảnh hưởng và vai trò của Phật giáo không còn đậm nét như trước. Tuy vậy, tinh thần và tư tưởng đạo Phật đã thấm sâu vào đời sống của người dân, hình thành một bản sắc văn hiến độc đáo của dân tộc.

Những thực tế trên đã chứng minh rằng tinh thần nhập thế tích cực (Cư Trần Lạc Đạo) đã trở thành một bản sắc riêng của Phật giáo Việt Nam và là một truyền thống tốt đẹp luôn luôn được các thế hệ người Việt nuôi dưỡng và kế thừa trong suốt tiến trình lịch sử của dân tộc cho đến thời đại ngày nay.

Miền Nam Việt Nam vào những năm 1965 - 1975 là một giai đoạn lịch sử đầy xáo trộn và biến động dữ dội. Chính quyền miền Nam thời bấy giờ từ đệ nhất cộng hòa của Tổng thống Ngô Đình Diệm đến các chính phủ thuộc đệ nhị cộng hòa (sau cuộc đảo chính Ngô Đình Diệm 1963) của các tổng thống Dương Văn Minh, Nguyễn Khánh đến Nguyễn Văn Thiệu... Ở giai đoạn cuối ngày càng xa rời quần chúng. Với chính sách cai trị độc tài, độc đoán, thẳng tay đàn áp những thành phần bất đồng chính kiến với chế độ, đã tạo nên một làn sóng bất bình

sâu sắc và hành động phản kháng mạnh mẽ trong toàn thể nhân dân.

Tại các đô thị miền Nam, các cuộc biểu tình, bãi khóa của quần chúng lao động, nhân sĩ trí thức, lực lượng tôn giáo và sinh viên học sinh ngày càng mạnh mẽ. Cũng như trong quá khứ, Phật giáo không thể bàng quan, nhà chùa trở thành boong ke pháo đài, nhà sư cũng sẵn sàng đối mặt với dùi cui, vòi rồng, lựu đạn cay của lực lượng trấn áp.



Ni Trưởng thuyết pháp tại Tịnh xá Ngọc Phương

Hệ phái Ni giới Khất Sĩ dưới sự lãnh đạo của Ni Trưởng Huỳnh Liên cũng không đứng ngoài phong trào đấu tranh ấy. Là người lãnh đạo của Ni giới Khất Sĩ, Ni Trưởng đã có một thái độ và hành động dấn thân mạnh mẽ và dứt khoát đứng về phía lực lượng yêu nước. Tịnh xá Ngọc Phương trở thành một trung tâm hội họp, hoạt động của các đoàn thể quần chúng yêu nước như phong trào *"Phụ nữ đòi quyền sống"* của Bà Luật gia Ngô Bá Thành và các lãnh tụ của Tổng hội sinh viên học sinh như Huỳnh Tấn Mẫm, Lê Văn Nuôi.

Đạo quân "đầu tròn" của các nữ tu sĩ Tịnh xá Ngọc Phương đã cùng với "đội quân tóc dài" của phụ nữ, sát cánh với các lực lượng quần chúng khác, tạo thành một dòng thác mạnh mẽ, góp phần vào thắng lợi cuối cùng.

Sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước chìm đắm trong xiềng xích nô lệ, ngay từ lúc nhỏ (Ni Trưởng sinh năm 1923), Ni Trưởng đã chứng kiến cuộc sống lầm than nheo nhóc của người dân thuộc địa dưới ách thống trị của chế độ thực dân phong kiến áp bức, chứng kiến cảnh đồng bào vô tội và những người yêu

nước bị chém giết, bức hại, Ni Trưởng đã sớm phân định trong tâm một lập trường yêu, ghét dứt khoát. Thêm vào đó, Ni Trưởng còn được hấp thụ một truyền thống yêu nước của gia đình từ người cậu thứ mười. Tất cả các yếu tố trên càng củng cố thêm tinh thần yêu nước tiến bộ của Ni Trưởng.

Từ khi xuất gia sống đời phạm hạnh, lại được Thầy Tổ giao phó trọng trách lãnh đạo Ni giới Khất Sĩ, Ni Trưởng gác lại mọi bất bình thế gian. Tuy vậy, từ trong sâu thẳm tâm hồn Ni Trưởng vẫn âm ỷ một trái tim yêu nước, yêu quê hương, yêu đồng bào ruột thịt của mình.

Đến khi phải đối diện với hiện thực của một đất nước bị chiến tranh tàn phá, bao sinh linh bị chết oan uổng, cũng như các nhà tôn giáo trong lịch sử, Ni Trưởng đã chọn cho mình một thái độ dấn thân tích cực. Như trong lời thơ Ni Trưởng đã viết:

“Nguyện xin hiến trọn đời mình,

Cho nguồn đạo pháp, cho tình quê hương”.

Thật đúng vậy, chứng kiến cuộc chiến tranh phi nghĩa huynh đệ tương tàn, người phật tử chân chính làm sao có thể điềm nhiên, ngồi nhìn cảnh đồng bào ruột thịt của mình nồi da xáo thịt. Hàng triệu thanh niên Việt Nam ra đi không có ngày trở lại.

Hàng triệu phụ nữ Việt Nam lâm vào cảnh góa bụa, cô đơn. Hàng triệu trẻ em Việt Nam mất cha, mất mẹ, bơ vơ trên khắp mọi nẻo đường. Hàng triệu phụ lão Việt Nam sống trơ trọi, không nơi nương tựa tuổi già! Trước thảm trạng đó, Ni Trưởng phải vận dụng tận cùng khả năng Bồ tát để cứu người, giúp đời.

Có lẽ cũng do hạnh nguyện độ sinh từ tiền kiếp, cho nên kiếp này Ni Trưởng có duyên với Cách Mạng, đặc biệt là vào giai đoạn 1970 - 1975, Ni Trưởng được các phong trào đấu tranh giải phóng miền Nam tín nhiệm.

- Phong trào “Phụ nữ đòi quyền sống” do bà luật gia Ngô Bá Thành làm Chủ tịch, ân cần mời Ni Trưởng làm Phó Chủ tịch và cố vấn cho phong trào.

- Phong trào “Cải thiện chế độ lao tù” cũng thiết tha mời Ni Trưởng góp sức.

- Mặt trận nhân dân tranh thủ dân chủ hòa bình do Cụ Đặng Văn Ký làm Chủ tịch cũng thiết tha mời Ni Trưởng tham gia. Ni Trưởng vui vẻ đảm nhận trách nhiệm ủy viên đoàn...

Ni Trưởng tích cực đóng góp nhân lực, tài lực, nhất là về mặt trí tuệ, Ni Trưởng đã đóng góp những ý kiến sáng giá, giải quyết kịp thời những khó khăn, xử lý

thích đáng mọi tình huống, chuyển bại thành thắng ...

Những cuộc biểu tình nào có bóng dáng của các ni cô áo vàng thì những cuộc biểu tình ấy năm chắc thành công. Dầu vậy, Ni Trưởng vẫn cho những thành công đó có được là do chính nghĩa hơn là do tài trí cá nhân. Đó là đức khiêm tốn, là hạnh lợi tha vong kỷ triệt để của Ni Trưởng.

Những đóng góp của Ni Trưởng vào công cuộc đấu tranh chung đã được anh chị em trong phong trào phản ánh khá đầy đủ trong quyển "Kỷ Yếu Ni Trưởng Huỳnh Liên", ở đây không cần nhắc lại. Tuy nhiên, đối với Ni Trưởng, những hoạt động đó chỉ là phương tiện độ sinh mà người phật tử trên lộ trình bồ tát hạnh phải tùy duyên thể hiện.

Người phật tử chân chính nào cũng là người công dân yêu nước, yêu quê hương, yêu đồng bào mình. Đấu tranh cho độc lập tổ quốc, cho tự do dân tộc là bổn phận của người công dân mà cũng là bổn phận của người phật tử:

"Giặc đến nhà đàn bà phải đánh,

Gương Hai Bà lấp lánh sao giăng.

Người nay phải chống xâm lăng,

Phải giành độc lập cho bằng người xưa".

(Giặc Đến Nhà - xem Phần phụ lục trang 366)

Đóng góp lớn nhất cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của Ni Trưởng là thơ văn. Thơ của Ni Trưởng đậm đà bản sắc dân tộc, dạt dào tình yêu quê hương và tỏ rõ thái độ phản kháng cuộc chiến phi nghĩa, đòi hòa bình, đòi quyền sống, đòi thi hành hiệp định Ba-lê.

Thống nhất đất nước là hoài bão chung của người dân Việt Nam. Hiệp định Ba-lê ký kết, đất nước Việt Nam tạm thời chia hai và hai năm đình chiến 1954 - 1956 là để chuẩn bị cho một cuộc tổng tuyển cử toàn quốc, nhưng chính quyền Sài Gòn không thi hành đúng theo hiệp định.

Bằng lập trường chính nghĩa, Ni Trưởng khẳng khái viết bài thơ "Hai Năm Chờ Đợi" đòi thực thi hiệp định Ba-lê :

"Hai năm chờ đợi mỏi mòn,

Ba lê hiệp định vẫn còn trơ trơ.

Ai người xảo quyệt mưu cơ,

Cản ngăn, phá hoại không cho thi hành.

Chịu oan hai tiếng hòa bình,

Máu tuôn tiếp tục cho tình thêm oan" ...

(Hai Năm Chờ Đợi – xem Phần phụ lục trang 329)

Về nông thôn, Ni Trưởng sát thực cảnh sống bi thương tang tóc của người nông dân Việt Nam giữa những năm 1965 - 1975, Ni Trưởng viết bài thơ"Tang Tóc" đầy máu lệ:

"Quê hương tang tóc vì đâu?

Đồng bào tang tóc khổ sầu vì ai?

Ruộng xưa hoang phế ai cày?

Vườn xưa tàn tạ cỏ gai rợp đầu.

Nhà xưa dấu vết còn đâu,

Làng xưa mây trắng phủ màu thê lương.

Người xưa lần lượt lên đường,

Kẻ đi biền biệt, người đương khởi hành.

Bom rền súng nổ xung quanh,

Cỏ cây âu cũng hãi kinh lựa người" ...

... "Ai đem tang tóc rải cùng?

Ai đưa thần chết sang vùng Việt Nam?

Xương non, máu biển ai làm?"

(Tang Tóc – xem Phần phụ lục trang 327)

Hàng triệu thanh niên Việt Nam hy sinh xương máu cho cuộc chiến tranh bất khả. Thanh niên miền Nam ra đi tập kết, ai cũng hy vọng là hai năm sau sẽ được đoàn tụgia đình, cha con vợchồng sẽ được quây quần bên nhau xây dựng tổ ấm. Ngờ đâu, hai năm, rồi hai mươi năm, chờ đợi trong mỏi mòn, trong vô vọng, để rồi một sáng nào đó, trên chiến trường, người con mà ngày cha ra đi vẫn còn nằm trong bụng mẹ, thì hôm nay trên đường Trường Sơn, đã cầm súng bắn vào ngực cha, hoặc ngược lại. Một cuộc chiến như vậy mà im lặng ngồi

niệm Phật được sao?

“Chiến tranh nữa mười năm khốc liệt,

Ngày ngày đưa đám chết thanh niên.

Đau lòng tự hỏi liên miên,

Tu chờ người chết cầu lên cõi nào?”

Đòi quyền sống cho dân chúng Việt Nam nhất là cho tuổi trẻ Việt Nam, Ni Trưởng viết bài: “Xua Thần Chết”

“Gia đình ta ví mười người chung sống,

Một ngày qua khuất bóng một người.

Trách ai làm máu đổ thịt rơi,

Một người chết để chín người đau khổ?”

Và ngày thứ hai, thứ ba đến thứ mười:

Ngày thứ mười chỉ còn ta trơ đó,

Liệu thoát điều máu đổ thịt rơi.

Dẫu bình an trong thế giới không người,

Sầu ai tát cho vơi biển khổ!”

Từ đó, Ni Trưởng xác định thái độ của người tu sĩ:

“Là tu sĩ với tinh thần giác ngộ,

Khắp quận thôn, tỉnh xứ làm nhà” …

Và:

“Chân đếm bước chân không bạo động,

Tay ôm bình nguyện vọng hòa bình.

Trải lòng thương khắp cõi nhân sinh,

Biến lửa hận hóa thành cam lộ.

Giang tay yếu tát vơi biển khổ,

Chuyển sức mềm phá đổ thành sầu.

Chí đại hùng, đoàn kết mau mau,

Xua thần chết gặp nhau trong cõi sống".

(Xua Thần Chết – xem Phần phụ lục trang 381)

Cổ vũ lòng yêu nước, xác định vai trò của người phụ nữ Việt Nam trong lịch sử chống xâm lăng, Ni Trưởng viết bài thơ:

Phụ Nữ Việt Nam

"Phụ nữ Việt Nam dịu dàng nhưng bất khuất,

Sống hiền hòa nhưng cương quyết chống xâm lăng.

Dầu trăm năm ách thống trị ngoại bang,

Vẫn tranh đấu trải cang trường kiên nhẫn.

Không đòi hỏi luật bình quyền bình đẳng,

Cùng song song chung gánh nặng nước non.

Lắm vai trò nổi bật vượt nam nhân,

Tài khéo léo, trí khôn ngoan tế nhị.

Tình nồng đượm với chồng con chung thủy,

Tình bao la bền bỉ với non sông.

Hạnh phúc riêng hòa hạnh phúc chung cùng,

Đời gắn bó lũ con Rồng cháu Lạc.

Nền đạo đức mấy nghìn năm bia tạc,

Công tiền nhân xây đắp biết bao đời.

Hoa quốc hồn vun xới đóa xinh tươi,

Ngọc cách mạng trau dồi tia lấp lánh.

Gương Trưng, Triệu để muôn đời chiếu ánh,

Con nhà tông phải giống cánh giống lông.

Mẹ sinh con truyền dòng máu anh hùng,

Mẹ dạy trẻ luyện tấm lòng ái quốc.

Phụ nữ Việt Nam dịu dàng nhưng bất khuất,

Sống hiền hòa nhưng cương quyết chống xâm

lăng.

Dầu trăm năm ách thống trị ngoại bang,

Vẫn tranh đấu trải cang trường kiên nhẫn".

(Phụ Nữ Việt Nam – xem Phần phụ lục trang 386)

Ngoài những tranh đấu trực diện bằng hành động, bằng thơ văn Ni Trưởng còn tích cực hoạt động từ thiện xã hội, thành lập cô nhi viện Nhất Chi Mai ở Cầu Hang - Biên Hòa và các cô, ký nhi viện chi nhánh như: CNV Ngọc Ninh (Phan Rang), CNV Ngọc Bảo (Gia Lai), ký nhi viện Diệu Quang (Phú Bổn), ký nhi viện Ngọc Minh (Cà Mau) ... Những cơ sở từ thiện này, vừa bảo bọc cuộc sống các em mồ côi, vừa un đúc tâm hồn thơ dại của các em biết tự lập, tự cường theo truyền thống bất khuất, tự trọng của dân tộc Việt Nam.



Tịnh xá Ngọc Phương trong lễ Kỷ niệm Hai Bà Trưng năm 1971

Bằng bút pháp hiện thực, bằng những dòng thơ trữ tình, Ni Trưởng phản ánh cảnh sinh hoạt của cô nhi viện Nhất Chi Mai thật cảm động mà cũng thật là nghĩa khí:

“Hỡi các trẻ mồ côi,

Thầy lượm thầy dưỡng nuôi.

Đứa mất cha, mất mẹ,

Đứa trụi lũi mồ côi.

Con ai bỏ chùa này,

Nam mô Phật con thầy.

Thầy nuôi con vất vả,

Đắp đổi ngày qua ngày”.

Bởi vì

“Thầy không ưa xin xỏ,

Của kẻ hại đời con.

Gây chiến tranh đau khổ,

Đày đọa xác hồn non”.

(Luyện Chí – xem Phần phụ lục trang 398)

Tặng phẩm chẳng nhửcon được vì con có “linh tánh linh thân” cho nên con biết đó là của phi nghĩa. Tặng phẩm chẳng câu Thầy được vì Thầy nặng tình nghĩa với nước nhà: “Nước non Thầy sâu nặng”.

Thấy các em cô nhi chạy trốn lánh người lạ mặt, Ni Trưởng vô cùng hồ hởi. Phải vậy chứ, dầu cho các em còn rất bé bỏng, chưa biết phân biệt đâu là thân, thù, nhưng linh tánh đã mách cho em... Dòng máu anh hùng, bất khuất đã thấm đẫm tâm hồn em, ăn sâu vào nội tạng em, cho nên bao tử em không chấp nhận của phi nghĩa. Mặc dầu chị vú cố đút sữa vào miệng em thì bao tử em cũng từ chối:

“Chị vú khéo thày lay,

Cho ăn con chảy ngay.

Đứa trõm lơ mày mặt,

Đứa xuôi xị chân tay”.

Con chạy trốn là do “linh tánh linh thân”, Thầy nhục nhã là vì sao? Vì Thầy đểcho “nước mất nhà tan”. Thế đó, ai có tinh thần trách nhiệm cao cũng đều cảm thấy tủi nhục, xấu hổ khi đất nước mình bị nô lệ, dân tộc mình bị mất chủ quyền. Nếu toàn thể dân chúng Việt Nam ai cũng ý thức được như Ni Trưởng thì Việt Nam, dầu nhược tiểu cũng không có ngoại bang nào dám xâm lược.

“Thầy không muốn con dùng,

Những thức ăn nhơ uế.

Làm mất giống anh hùng,

Biến thành người nô lệ.

Rồi hôm ấy xấu trời,

Ai đưa đến một người.

Con hãi hùng trốn chạy,

Thầy nhục nhã ngậm ngùi.

Tặng phẩm chẳng nhử con,

Tâm hồn con trong trắng.

Tặng phẩm chẳng câu Thầy,

Nước non Thầy sâu nặng.

Chị vú khéo thày lay,

Cho ăn con chảy ngay.

Đứa trõm lơ mày mặt,

Đứa xuôi xị chân tay.

Con linh tính linh thân,

Của phi nghĩa chẳng cần.

Trời sinh voi sinh cỏ,

Cây có cội có căn.

Thầy hoan nghênh xiết bao,

Con phải giống anh hào.

Biết miệt khinh bần tiện,

Biết tự trọng thanh cao.

Hỡi dân Việt tương lai,

Đói sạch rách thơm hoài.

Liêm chánh cần luyện chí,

Bi - Trí - Dũng rèn tài".

(Luyện Chí – xem Phần phụ lục trang 398)

Cô nhi của viện mồ côi Nhất Chi Mai không được nuôi bằng bơ sữa, mà được nuôi bằng hào khí bất khuất, nuôi bằng truyền thống anh hùng của dân tộc Việt Nam. Thành ngữ: "trời sinh voi sinh cỏ" ý nghĩa rất nôm na, nhưng đặt vào ngữ cảnh này lại rất đắc địa, đồng thời giữ được tinh thần "đói sạch, rách thơm".

Cuối cùng Ni Trưởng động viên các em mà cũng là nhắc khéo người lớn, phải luyện chí Liêm Chính; phải giữ đức Bi - Trí - Dũng để cuộc sống trong sáng thanh cao thì mới đủ tư cách tiếp nối được truyền thống của cha ông Anh Hùng - Bất Khuất. Ngày xưa cha ông chúng ta đã ba lần đánh tan ý đồ xâm lược của ba cường quốc: Mông Cổ, Pháp và Mỹ, dành chủ quyền độc lập tự do thì chúng ta mới có được ngày hôm nay.

Ngoài các viện mồ côi ra, Ni Trưởng còn thành lập các trường dạy miễn phí cho các con em từ vùng sâu vùng xa, tản cư về thành phố không có trường lớp để học như: Trường Sơ Cấp Từ Thiện Ngọc Châu ở Hội An (Quảng Nam), Trường Sơ Cấp Từ Thiện Ngọc Sơn ở Bồng Sơn (Bình Định)... và thường xuyên tổ chức những cuộc cứu trợ đồng bào nạn nhân chiến tranh, đồng bào bị thiên tai bão lụt và ủy lạo các trại thương bệnh binh, các trại dưỡng lão... nhằm giải quyết kịp thời những khó khăn cơ cực của xã hội lúc bấy giờ.



Ni Trưởng Huỳnh Liên cùng quý Ni Sư và Phật tử đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Paris năm 1972

Sau ngày Việt Nam thống nhất, Ni Trưởng lại hăng hái hưởng ứng phong trào "Kinh tế tự túc nhà chùa", lập rẫy Gia Liêu ở Long Khánh (Đồng Nai), ruộng lúa ở Cầu Hang (Biên Hòa) và thành lập các cơ sở bánh mứt, tương chao tiêu biểu là lò bánh mứt tại Tịnh xá Ngọc Phương (Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh). Cảnh sinh hoạt bánh mứt ngày tết tại Tịnh xá Ngọc Phương thật sôi nổi, thật hào hứng (Mứt Tết Mệt Nhừ- Thơ Ni Trưởng).

Đánh giá về con người Ni Trưởng, ông Ung Ngọc Ky - Phó chủ tịch MTTQ thành phố Hồ Chí Minh viết trong quyển "Kỷ yếu Ni Trưởng Thích Nữ Huỳnh Liên":

- ..."Thứ nhất, Ni Trưởng là một nhà tu hành chân chính.

- Thứ hai, Ni Trưởng là một chiến sĩ.

- Thứ ba, Ni Trưởng là một nhà tổ chức quần chúng, một nhà hoạt động xã hội" ...

Thật đúng vậy, từ một nhà chân tu "Tăng vô nhất vật", Ni Trưởng đã tích cực dấn thân vào vòng xoáy lịch sử của đất nước trong một chặng đường đầy cam go máu lửa để "đồng lao cộng khổ" theo tinh thần "Tứ nhiếp pháp" của nhà Phật (Bố thí - Trì giới - Đồng sự- Lợi hành). Ni Trưởng trở thành một chiến sĩ kiên cường, bất khuất, đấu tranh không mỏi mệt cho sự nghiệp sống còn của dân tộc nhất là cho tuổi trẻ, tận lực tận tâm phục vụ xã hội, tiếp nối truyền thống vốn có của đạo Phật.

Có lẽ Ni Trưởng muốn tiếp tay với Bồ tát Địa Tạng Vương, thực hiện lời nguyện của Bồ tát: "Địa ngục vị không thệ bất thành Phật" (địa ngục chưa trống, quyết

không thành Phật). Bởi vì thành Phật rồi sẽ thuận thứ vào vô dư Niết bàn, đâu còn có mặt trong luân hồi sinh tử nữa để "đồng sự" với chúng sinh, để tiện bề thân thiện, dìu dắt chúng sinh từng bước thoát ra hiểm nạn.

Lời thề nguyện của Bồ tát Địa Tạng Vương mới nghe dường như không tưởng, nhưng tâm chúng ta không phải là tâm Bồ tát thì chúng ta không thể nào hiểu nổi việc làm của Bồ tát. Các bậc Bồ tát ở vào địa vị Thập Địa, tuệ giác còn thua Phật một đôi phần, công hạnh thì chưa bằng Phật. Tích cực độ sinh là hoàn thiện ba la mật, nấc thang cuối cùng bước lên Chính Đẳng Giác.

Đến giai đoạn đất nước đã thống nhất, xây dựng quê hương, phát triển xã hội, Ni Trưởng lại trở thành một nhà kinh tế tầm cỡ, dẫn đầu cho những cơ sở kinh tế trên 100 ngôi tịnh xá của Ni giới Hệ phái Khất Sĩ trên toàn quốc, tiếp nối truyền thống nhập thế tích cực của Phật giáo.

Trích dẫn từ sách: *Ni trưởng Huỳnh Liên cuộc đời và đạo nghiệp*

Tác giả: **Nhật Huy - Thích Nữ Khiêm Liên**

Nhà xuất bản Hồng Đức (PL. 2560 - DL. 2016)

Nguồn: nigioikhatsi.net